

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 -01- 2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê N Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Ông Nguyễn Anh N

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 794/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1414/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST- HNGĐ ngày 10/01/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1996,

Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Tấn T, sinh năm 1994,

Địa chỉ: Đường X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trần Tấn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 186/2019, ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả, cuối năm 2022 bà và ông T sống riêng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, bà không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định tinh thần, cuộc sống.

- Về con chung: Bà N khai không có.
- Về T sản chung: Bà N khai không có.
- Về nợ chung: Bà N khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Tấn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến với những nội dung chính sau:

+ Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự 2015 như:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định tư cách pháp lý: nguyên đơn, bị đơn, xác định mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục, xử lý đơn khởi kiện và gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát: Tòa án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 191, 195, 196, 197 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vấn đề điều tra, thu thập chứng cứ: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thực hiện đúng quy định về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát quận Tân Phú nghiên cứu đúng theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Thẩm phán đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 171, Điều 172, 173, 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng quy định Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: căn cứ quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và

nghĩa vụ của nhưng người tham gia tố tụng dân sự thì các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N ly hôn với ông Nguyễn Trần Tấn T.

Về con chung, về T sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Bà N phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trần Tấn T, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Trần Tấn T có nơi cư trú tại nhà số 22/2/17 Nguyễn Văn Săng, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Tấn T đã được Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 171, 179, 196, 208, 220 và 233 của Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Trần Tấn T vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 186/2019, ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Trần Tấn T là hợp pháp, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả, cuối năm 2022 bà và ông T sống riêng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, bà không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định tinh thần, cuộc sống.

Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa để hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N, điều này thể hiện ông T không còn mong muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...” “vợ chồng có nghĩa tôn trọng, giữ gìn bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau ”.

Từ những lời trình bày của đương sự và T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn; hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn; đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trần Tấn T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N khai không có nên không xem xét.

[2.3] Về T sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Điều 271; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Trần Tấn T.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 186/2019, ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về T sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006605 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê N Nữ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

